



**Điều 3. Trách nhiệm của người sử dụng lao động**

1. Không được sử dụng lao động nữ làm các công việc theo danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Rà soát các công việc lao động nữ đang làm dựa theo danh mục các công việc không được sử dụng lao động nữ ban hành kèm theo Thông tư này. Trên cơ sở đó có kế hoạch sắp xếp, đào tạo lại hoặc chuyển nghề, chuyển công việc phù hợp với sức khỏe của lao động nữ.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Thông tư này định kỳ 6 tháng và hàng năm cùng với việc sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.

**Điều 4. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Phối hợp với Sở Y tế, Liên đoàn Lao động địa phương thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này.

2. Tăng cường thanh tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về sử dụng lao động nữ.

3. Tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm về tình hình thực hiện Thông tư này cùng với báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trên địa bàn.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

2. Bãi bỏ Thông tư Liên tịch số 40/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Y tế về quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ, lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi khi Thông tư này có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Hồng Lĩnh**

**DANH MỤC**  
**CÔNG VIỆC KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NỮ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BLĐTBXH*  
*ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**Phần A**  
**ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ LAO ĐỘNG NỮ**

**I. Các công việc không được sử dụng lao động nữ theo quy định tại Khoản 1, Điều 160 Bộ luật lao động 2012 cụ thể như sau:**

1. Trực tiếp nấu chảy và rót kim loại nóng chảy ở các lò:
  - 1.1. Lò điện hồ quang từ 0,5 tấn trở lên;
  - 1.2. Lò quy bilo (luyện gang);
  - 1.3. Lò bằng (luyện thép);
  - 1.4. Lò cao.
2. Cán kim loại nóng (trừ kim loại màu).
3. Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì, thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).
4. Đốt lò luyện cốc.
5. Hàn trong thùng kín, hàn ở vị trí có độ cao trên 10m so với mặt sàn công tác.
6. Khoan thăm dò, khoan nổ mìn bán mìn.
7. Cây bẫy đá trên núi.
8. Lắp đặt giàn khoan trên biển.
9. Khoan thăm dò giếng dầu và khí.
10. Làm việc theo ca thường xuyên ở giàn khoan trên biển (trừ dịch vụ y tế - xã hội, dịch vụ ăn ở).
11. Bảo dưỡng, sửa chữa đường dây điện trong công ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.
12. Bảo dưỡng, lắp dựng, sửa chữa cột cao qua sông, cột ăngten.
13. Làm việc trong thùng chìm.
14. Trực tiếp căn chỉnh trong thi công tấm lớn hoặc cấu kiện lớn bằng phương pháp thủ công.
15. Trực tiếp đào giếng, thi công hoàn thiện giếng bằng phương pháp thủ công.
16. Trực tiếp đào gốc cây lớn, chặt hạ cây lớn, vận xuất, xeo bản, bóc xếp gỗ lớn, cưa xẻ thủ công cây gỗ lớn có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công; cưa cắt cành, tia cành ở độ cao trên 5m bằng phương pháp thủ công.

17. Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa).

18. Lái máy thi công hạng nặng có công suất lớn hơn 36 mã lực như: máy xúc, máy gạt ủi, xe bánh xích (trừ các máy có hỗ trợ thủy lực).

19. Các công việc sơn, sửa, xây, trát, vệ sinh, trang trí trên mặt ngoài các công trình cao tầng (từ tầng 3 trở lên hoặc ở độ cao trên 12m so với sàn công tác) không có máy, cầu nâng hoặc giàn giáo kiên cố.

20. Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.

21. Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.

22. Khai thác tổ yến (trừ trường hợp khai thác tổ yến trong các nhà nuôi yến); khai thác phân dơi.

23. Các công việc trên tàu đi biển (trừ công việc phục vụ nhà hàng, buồng, bàn, lễ tân trên các tàu du lịch).

24. Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triền đà.

25. Vận hành nồi hơi (trừ việc vận hành tự động, vận hành nồi hơi sử dụng năng lượng là dầu và điện).

26. Lái xe lửa (trừ xe lửa có chế độ vận hành tự động hóa cao, các tàu chạy trong nội đô, tuyến du lịch).

27. Các công việc đóng vỏ tàu (tàu gỗ, tàu sắt), phải mang vác, gá đặt vật gia công nặng 30kg trở lên.

28. Khảo sát đường sông ở những vùng có thác ghềnh cao, núi sâu nguy hiểm.

29. Vận hành tàu hút bùn; lái cầu nổi.

30. Lái ô tô có trọng tải trên 2,5 tấn (trừ các ô tô trọng tải dưới 10 tấn có hệ thống trợ lực).

31. Các công việc phải mang vác trên 50kg.

32. Vận hành máy hồ, máy nhuộm các loại, máy văng sấy, máy kiểm bóng, máy phòng co (trừ các máy có chế độ vận hành tự động hóa).

33. Cán ép tấm da lớn, cứng (trừ các máy có chế độ vận hành tự động hóa).

34. Lái máy kéo nông nghiệp có công suất từ 50 mã lực trở lên.

35. Mổ tử thi, liệm, mai táng người chết (trừ điện táng), bốc mả.

**II. Các công việc không được sử dụng lao động nữ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 160 Bộ luật lao động cụ thể như sau:**

36. Đổ bê tông dưới nước; thợ lặn.

37. Nạo vét cống ngầm (trừ nạo vét tự động, bằng máy); công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bắn hơi thổi (từ 04 giờ trong một ngày trở lên, trên 3 ngày trong 1 tuần).

38. Đào lò; đào lò giếng; các công việc trong hầm mỏ (trừ dịch vụ y tế - xã hội và các công việc đột xuất theo yêu cầu quản lý điều hành, nhưng phải tuân thủ theo đúng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về an toàn và các quy định về tiêu chuẩn sức khỏe đối với lao động làm việc trong hầm mỏ).

### **Phần B** **ÁP DỤNG CHO LAO ĐỘNG NỮ CÓ THAI HOẶC NUÔI CON** **DƯỚI 12 THÁNG TUỔI**

Ngoài 38 công việc không sử dụng lao động nữ quy định tại phần A của Danh mục này, không được sử dụng lao động nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi làm các công việc sau đây:

39. Các công việc ở môi trường bị ô nhiễm bởi điện từ trường vượt mức quy chuẩn, tiêu chuẩn cho phép (như công việc ở các đài phát sóng tần số radiô, đài phát thanh, phát hình và trạm ra đa, trạm vệ tinh viễn thông).

40. Tiếp xúc trực tiếp với nguồn phóng xạ kín và nguồn phóng xạ hở; làm việc và tiếp xúc trực tiếp với chất phóng xạ trong các cơ sở hạt nhân; cơ sở chế biến quặng phóng xạ; cơ sở xử lý và quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng; cơ sở khai thác quặng có các sản phẩm trung gian hoặc chất thải phóng xạ trên mức miễn trừ; tiếp xúc trực tiếp với dược chất phóng xạ tại các khoa y học hạt nhân hoặc các cơ sở y tế có sử dụng dược chất phóng xạ trong điều trị và khám chữa bệnh.

41. Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm: Sản xuất, vận chuyển, bảo quản, sử dụng) với các hóa chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hóa chất có khả năng gây biến đổi gen và ung thư sau đây:

- + 1,4 butanediol, dimetansunfonat;
- + 2 Naphtylamin;
- + 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan;
- + 3 - alfaphenyl - betaaxetyletyl;
- + 4 - amino, 10 - metyl floic axit;
- + 4 aminnobiphenyl;
- + 5 Fluoro-uracil;
- + Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crosidolit;
- + Asen (hay thạch tín), canxi asenat;
- + Axety salixylic axit;
- + Asparagin;
- + Benomyl;
- + Benzen;

- + Boric axit;
  - + Các loại muối cromat không tan;
  - + Cafein;
  - + Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với hóa phẩm có pha chì như xăng, sơn, mực in; sản xuất ắc quy, hàn chì);
  - + Dimetyl sunfoxid;
  - + Direct blue-1;
  - + Dioxin;
  - + Dietystilboestrol;
  - + Diclorometyl-ete;
  - + Focmamid;
  - + Hydrocortison, Hydrocortison axetat;
  - + Iod (kim loại);
  - + Kali bromua, kali iodua;
  - + Khí dụng vinazol;
  - + Mercapto - purin;
  - + N, N-di (Cloroetyl) 2. Naphtylamin;
  - + Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat;
  - + Nhựa than đá, phân bay hơi nhựa than đá;
  - + Nitơ pentoxyt;
  - + Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua;
  - + Propyl - thio - uracil;
  - + Tetrametyl thiuram disunfua;
  - + Trameinnolon axtonid;
  - + Thori dioxyt;
  - + Theosunfan;
  - + Triton WR - 1339;
  - + Trypan blue;
  - + Ribavirin;
  - + Valproic axit;
  - + Vincristin sunfat;
  - + Vinyl clorua, vinyl clorid;
  - + Xyclophotphamit.
42. Trực tiếp tiếp xúc với các hóa chất ảnh hưởng xấu tới thai nhi và sữa mẹ:
- + 1,1 - dicloro - 2,2-di (4-clorophenyl) etan;
  - + 1,3 dimetyl - 2,6 dihydroxypurin;
  - + 2. Sunfamilamidotazol;

- + 4,4 - DDE;
- + Andrin;
- + Antimon;
- + Betaquinin;
- + Các hợp chất có chứa lithi;
- + Canxiferol;
- + Cloralhydrat;
- + Decaclorobiphenyl;
- + Kali penixilin G;
- + Quinidin gluconat;
- + Stronti (Sr) peroxid;
- + Sunfadiazin, sunfatpiridin, sunfatmetazin Natri, sunfanilamid, sunfamerazin, sunfisoaxazol axetyl;
- + Xezi và các muối chứa Xezi (Ce);
- + Xyclosporin.

43. Các công việc tiếp xúc với dung môi hữu cơ như: ngâm tấm tà vẹt, trái nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenol, vận hành nồi đa tụ keo phenol.

44. Các công việc trong sản xuất cao su: phối liệu, cân đong, sàng sảy hóa chất làm việc trong lò xông mũ cao su.

45. Sửa chữa lò, thùng, thép kín đường ống trong sản xuất hóa chất.

46. Làm việc ở lò lên men thuốc lá, thuốc Lào, lò sấy điều thuốc lá.

47. Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.

48. Ngâm tấm da, muối da, bóc dỡ da sống.

49. Tráng paraffin trong bể rượu.

50. Sơn, hàn, cạo rỉ trong hầm men bia, trong các thùng kín.

51. Vào hộp sữa trong buồng kín.

52. Phá dỡ khuôn đúc.

53. Chế biến lông vũ trong điều kiện hở.

54. Làm sạch nồi hơi, ống dẫn khí.

55. Nghiền, phối liệu quặng hoặc làm các công việc trong điều kiện bụi chứa từ 10% dioxyt silic trở lên.

56. Tuyển khoáng chì; cán, kéo, dập sản phẩm chì, mạ chì.

57. Quay máy ép lọc trong nhà máy.

58. Vận hành máy nổ, máy phát điện từ 10KVA trở lên.

59. Đứng máy đánh dây, máy phun cước.
60. Lái máy kéo nông nghiệp (bất kể loại công suất nào).
61. Lái máy thi công (bất kể loại công suất nào).
62. Lái ô tô có trọng tải dưới 2,5 tấn (trừ lái xe có trợ lực); lái xe điện động, các phương tiện vận tải tại cơ sở; lái cầu trục tại cơ sở.
63. Lưu hóa, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn, bao gồm thùng, kết nhiên liệu, lốp ô tô.
64. Mang vác nặng trên 20kg.
65. Tham gia trực tiếp vào các hoạt động điều tra, xác minh, xử lý ổ dịch tại thực địa nơi đang nghi ngờ hoặc ghi nhận có trường hợp mắc bệnh.
66. Xúc, sấy, vận chuyển cá thối hoặc làm trong dây chuyền sản xuất bột cá gia súc.
67. Xáo đảo xúc bùn ao nuôi cá.
68. Công việc trực tiếp tiếp xúc với hóa chất thuốc nhuộm trong các nhà máy nhuộm như: thủ kho, phụ kho hóa chất; pha chế hóa chất thuốc nhuộm.
69. Đóng bao xi măng bằng máy 4 vòi bán tự động.
70. Lắp đặt, sửa chữa trạm VSAT (trạm mặt đất thông tin với ăng ten nhỏ) ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng biên giới và hải đảo.
71. Công việc phải ngâm mình dưới nước bẩn, dễ bị nhiễm trùng.
72. Làm việc trong môi trường thiếu dưỡng khí; trong nhà xưởng nơi có nhiệt độ không khí từ 40°C trở lên về mùa hè và từ 32°C trở lên về mùa đông.
73. Làm việc trong môi trường lao động có độ rung cao hơn quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia cho phép; sử dụng các loại máy, thiết bị có độ rung toàn thân và rung cục bộ cao hơn quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia cho phép.
74. Công việc có tư thế làm việc gò bó, trong không gian chật hẹp có khi phải nằm, cúi, khom.
75. Giao, nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu trong hang hầm; giao, nhận xăng, dầu trên biển.
76. Vận hành thiết bị nấu, đúc lá cực chì trong sản xuất ắc quy.
77. Vận hành thiết bị sản xuất và đóng thùng phốtpho vàng./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Hồng Lĩnh**